

Số: 607/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Thông nhất mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hàng năm
trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 38

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 866/TTr-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1275/BC-KTNS ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 01 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, như sau:

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với đất nông nghiệp là: 0,5%

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với đất phi nông nghiệp được quy định cho từng xã, phường (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 38 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành, Tổ chức Chính trị XH tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm: Thông tin, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng



PHỤ LỤC

**Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hàng năm
đối với đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 607/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất
1	Phường Tô Hiệu	2,0%
2	Phường Chiềng An	2,0%
3	Phường Chiềng Cơi	2,0%
4	Phường Chiềng Sinh	2,0%
5	Phường Mộc Châu	2,0%
6	Phường Mộc Sơn	2,0%
7	Phường Vân Sơn	2,0%
8	Phường Thảo Nguyên	2,0%
9	Xã Đoàn Kết	1,0%
10	Xã Lóng Sập	0,5%
11	Xã Chiềng Sơn	1,0%
12	Xã Tân Yên	1,0%
13	Xã Vân Hồ	1,5%
14	Xã Song Khủa	0,5%
15	Xã Tô Múa	0,5%
16	Xã Xuân Nha	0,5%
17	Xã Quỳnh Nhai	1,5%
18	Xã Mường Chiên	0,5%
19	Xã Mường Giôn	1,0%
20	Xã Mường Sại	0,5%
21	Xã Thuận Châu	1,5%
22	Xã Chiềng La	0,5%
23	Xã Nậm Lầu	0,5%
24	Xã Muối Nọi	0,5%
25	Xã Mường Khiêng	0,5%

26	Xã Co Mạ	0,5%
27	Xã Bình Thuận	1,0%
28	Xã Mường É	0,5%
29	Xã Long Hẹ	0,5%
30	Xã Mường Bám	0,5%
31	Xã Mường La	1,5%
32	Xã Chiềng Lao	0,5%
33	Xã Mường Bú	1,5%
34	Xã Chiềng Hoa	0,5%
35	Xã Ngọc Chiến	0,5%
36	Xã Bắc Yên	1,5%
37	Xã Tà Xùa	0,5%
38	Xã Tạ Khoa	0,5%
39	Xã Xím Vàng	0,5%
40	Xã Pắc Ngà	0,5%
41	Xã Chiềng Sại	0,5%
42	Xã Phù Yên	1,5%
43	Xã Gia Phù	1,0%
44	Xã Tường Hạ	0,5%
45	Xã Mường Cơi	1,5%
46	Xã Mường Bang	0,5%
47	Xã Tân Phong	0,5%
48	Xã Kim Bon	0,5%
49	Xã Suối Tọ	0,5%
50	Xã Yên Châu	1,5%
51	Xã Chiềng Hặc	0,5%
52	Xã Lóng Phiêng	0,5%
53	Xã Yên Sơn	0,5%
54	Xã Phiêng Khoài	0,5%
55	Xã Chiềng Mai	0,5%
56	Xã Mai Sơn	1,5%
57	Xã Phiêng Păn	0,5%

58	Xã Chiềng Mung	1,5%
59	Xã Phiêng Cầm	0,5%
60	Xã Mường Chanh	1,0%
61	Xã Tà Hộc	1,0%
62	Xã Chiềng Sung	1,5%
63	Xã Bó Sinh	0,5%
64	Xã Chiềng Khương	1,0%
65	Xã Mường Hung	0,5%
66	Xã Chiềng Khoong	0,5%
67	Xã Mường Lắm	0,5%
68	Xã Nậm Ty	0,5%
69	Xã Sông Mã	1,5%
70	Xã Huổi Một	0,5%
71	Xã Chiềng Sơ	1,0%
72	Xã Sốp Cộp	1,5%
73	Xã Púng Bính	0,5%
74	Xã Mường Lạn	0,5%
75	Xã Mường Lèo	0,5%

